

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2023.

V/v ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải.

Bà Hà Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc H có đăng ký kết hôn tháng 12 năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Có được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc tại xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau một thời gian chung sống, kinh tế khó khăn nên hai vợ chồng thống nhất để anh H đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan để kiếm thêm thu nhập. Đến năm 2017 anh H bắt đầu sang Đài Loan làm việc, thời gian đầu vợ chồng vẫn giữ liên lạc quan tâm đến nhau. Đến đầu năm

2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, anh H không còn quan tâm đến vợ con. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị có nguyện vọng được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Cháu thứ nhất là Nguyễn Ý Nguyệt N, sinh ngày 27/9/2005, cháu thứ hai là Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 18/7/2008. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung do hiện nay anh H đang ở nước ngoài. Về cấp dưỡng chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 11/4/2023 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với bà Đào Thị N1 là mẹ đẻ của anh Nguyễn Quốc H, địa chỉ: Xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xác định: Sau khi gia đình được biết việc chị C làm thủ tục ly hôn với anh H, gia đình có thông tin qua điện thoại cho anh H được biết. Anh H có thông tin lại cho gia đình thể hiện quan điểm về việc ly hôn với chị C như sau: Về quan hệ hôn nhân: Xác định vợ chồng có mâu thuẫn, anh H đồng ý ly hôn với chị C. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị C đã khai. Hiện anh đang ở nước ngoài nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, con chung cho anh theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Anh đề nghị Tòa án không giải quyết. Hiện nay anh đang làm việc tại Đài Loan, không thể về Việt Nam tham gia giải quyết vụ án được, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh trên những ý kiến anh đã trình bày.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C, cho chị C1 ly hôn với anh H; Giao cháu Nguyễn Ý Nguyệt N, sinh ngày 27/9/2005 và Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 18/7/2008 cho chị C2 tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H vì chị C3 yêu cầu; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 11483/CAT(PA01/XNC) ngày 31/10/2022 của Công an tỉnh T xác định anh Nguyễn Quốc H1 xuất nhập cảnh nhiều lần; lần gần đây nhất anh H1 xuất cảnh ngày 15/2/2019 qua cửa khẩu N3, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của anh Nguyễn Quốc H ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh H2 nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh H là bà Đào Thị N2 có đủ căn cứ xác định anh H vẫn liên hệ với bà nhưng bà cũng không cung cấp được địa chỉ của anh H3 anh H4 không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng bà N2 cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của anh H2 nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Quốc H5 hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo chị C trình bày: Do giữa vợ chồng chị không còn tiếng nói chung. Năm 2019 anh H5 sang lao động xuất khẩu tại Đài Loan, vợ chồng khoảng cách địa lý xa nhau nên tình cảm và sự quan tâm ngày một ít đi. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H5 còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Phía bị đơn anh H, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng tại buổi làm việc giữa cán bộ Tòa án với đại diện thân nhân trong nước của anh H, thể hiện anh H5 cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, hiện cả hai không còn quan tâm nhau, anh đồng ý ly hôn với chị C. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa chị C và anh H đã không còn tình cảm vợ chồng, sự quan tâm và thương yêu nhau, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng. Tại phiên tòa chị C giữ nguyên quan điểm, cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, cho chị C được ly hôn anh H là phù hợp với thực tế và theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Chị C và anh H có 02 con chung. Cháu thứ nhất là Nguyễn Ý Nguyệt N, sinh ngày 27/9/2005, cháu thứ hai là Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 18/7/2008. Khi ly hôn chị C có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Tại biên bản làm việc giữa Tòa án và đại diện thân nhân trong nước của anh H, thể hiện quan điểm anh H cũng có nguyện vọng được nuôi con chung, tuy nhiên anh H hiện nay đang ở nước ngoài nên anh đề nghị Tòa giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Do vậy, để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu trực tiếp chăm sóc con chung của chị C. Giao con chung là Nguyễn Ý Nguyệt N, sinh ngày 27/9/2005 và Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 18/7/2008 cho chị

C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của cháu N và cháu V1 bản tự khai và đảm bảo đúng quy định tại Điều 81;82; 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H vì chị C không yêu cầu.

Anh H7 quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung:Chị C4 không có nợ chung và tài sản chung và không yêu cầu giải quyết.Phía anh H không có lời khai bằng văn bản, thể hiện ý kiến, quan điểm của mình. Hội đồng xét xử chưa giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3] Án phí: Chị C phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; 37 khoản 2 Điều 38; Điều 147;Điều 207; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51;56; 58; 81; 82; 83 và Điều127Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Nguyễn Quốc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C5 ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ý Nguyệt N, sinh ngày 27/9/2005 và Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 18/7/2008 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Quốc H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho anh H do chị C không yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chưa giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị C6 chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã

nộp, biên lai số 0000199 ngày 22/11/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã Văn Hán;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hồng Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHÊN TÒA

Lê Thị Hồng Phương

